|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG** | **ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2024 - 2025**  **MÔN: Tiếng Anh 7** |
|  | |

**A. Định hướng ôn tập môn Tiếng Anh 7**:

**I. LISTEN:** Tập trung vào các bài nghe chủ đề trong chương trình Unit 1, Unit 2, Unit 3 hoặc bài nghe khác cùng chủ đề và mức độ khó tương tương.

**II. Đọc hiểu đoạn văn:** Trả lời câu hỏi, Tìm câu đúng – sai, điền từ phù hợp, …..

**III. Viết** lại câu dưới các dạng ngữ pháp đã học, viết theo từ gợi ý, sắp xếp lại từ hoặc chuyển câu.

**IV. GRAMMAR:**

**Unit 1 | FREE TIME**

**I/ Vocabulary:**

**Lesson 1:**

**bake** (v) /beɪk/: nướng, nung

 **baker** (n) /beikə/: thợ làm bánh

 **bake cakes** (v phr) /beɪk keɪks/: nướng bánh

**collect** (v) /kəˈlekt/: sưu tập, thu thập

**comic** (n) /ˈkɒmɪk/: truyện tranh

 **read comics** (v phr) /riːd ˈkɒmɪks/: đọc truyện tranh

**game** (n) /ɡeɪm/: trò chơi

**model** (n) /ˈmɒdl/: mô hình

 **build models** (v phr) /bɪld ˈmɒdlz/: làm mô hình

**online** (adj) /ɒnˈlaɪn/: trực tuyến

**soccer** (n) /ˈsɒkər/: môn bóng đá

**sticker** (n) /ˈstɪkər/: nhãn dán

**vlog** (n) /vlɒɡ/: nhật ký về cuộc sống

 **make vlogs** (v phr) /meɪk vlɒgz/: làm nhật kí về cuộc sống

**Lesson 2:**

**bowling alley** (n) /ˈboʊ.lɪŋ ˌæl.i/: khu trò chơi bowling

**fair** (n) /fer/: hội chợ vui chơi giải trí, chợ phiên

**ice rink** (n) /ˈaɪs ˌrɪŋk/: sân trượt băng

**market** (n) /ˈmɑːrkɪt/: chợ

**sports center** (n) /ˈspɔːrts ˌsentər/: trung tâm thể thao

**theater** (n) /ˈθɪətər/: nhà hát

**water park** (n) /ˈwɔːtər ˌpɑːrk/: công viên nước

**Lesson 3:**

**availability** (n) /əˌveɪləˈbɪləti/: khả năng và thời gian để làm việc gì ≠ **unavailability** (n) /ʌnˌəveɪləˈbɪlətɪ/

 **available** (adj) /əˈveɪləbl/: có khả năng và thời gian để làm việc gì ≠ **unavailable** (adj) /ˌʌnəˈveɪləbl/

**extreme sport** (n) /ɪkˌstriːm ˈspɔːrt/: thể thao mạo hiểm

**invitation** (n) /ˌɪnvɪˈteɪʃn/: sự mời gọi, lời mời

 **invite** (v) /ɪnˈvaɪt/: mời

**rock climbing** (n) /ˈrɒk klaɪmɪŋ/: trò leo núi đá (hoặc leo tường có gắn đá)

**safety equipment** (n) /ˈseɪfti ɪˈkwɪpmənt/: thiết bị an toàn

**skateboarding** (n) /ˈskeɪtbɔːrdɪŋ/: trò trượt ván

**surfing** (n) /ˈsɜːfɪŋ/: trò lướt sóng

 **surf** (v) /sɜːf/: lướt sóng, lướt website

**zorbing** (n) /ˈzɔːrbɪŋ/: trò lăn xuống dốc hoặc lăn trên mặt nước trong một quả cầu nhựa trong suốt

**II/ Grammar:**

** Present Simple (Thì hiện tại đơn):**

a. Thì hiện tại đơn dùng để diễn đạt các thói quen và hoạt động hằng ngày hoặc những sự việc có thật xảy ra trong một thời gian dài ở hiện tại.

– Dấu hiệu nhận biết:

* Cụm từ với “every”: *every day, every year, every month, every afternoon, every morning,…*
* Cụm từ chỉ tần suất: *once a week, twice a week, three times a week, four times a week, five times a week, once a month, once a year, etc*.
* Trạng từ chỉ tần suất: *always, usually, often, sometimes, never, rarely...*

|  |  |
| --- | --- |
| I/You/We/They collect stickers. | He/She reads comics. |
| I/You/We/They don't make vlogs. | He/She doesn't build models. |
| Do you/they play soccer?  Yes, I/we/they do. / No, I/we/they don't. | Does he/she bake cakes?  Yes, he/she does. / No, he/she doesn't. |

*e.g.*

b. Thì hiện tại đơn dùng để diễn đạt các sự việc chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai như lịch trình hay chương trình của các cửa hàng, rạp phim, nhà hàng, phương tiện công cộng...

|  |
| --- |
| The festival starts at 6 p.m.  The festival ends at 10 p.m.  The bus leaves in ten minutes. |
| What time does the music performance start?  Does the festival start in the morning? - (Yes, it does./No, it doesn't.) |

c. Cách phát âm *“-s/es”* cuối động từ ngôi thứ 3 số ít hoặc danh từ số nhiều

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc là /ɪz/** | khi âm cuối của từ gốc là các phụ âm **/s/, /ʃ/, /z/, /dʒ/, /ʒ/, /tʃ/** |
| **Đọc là /s/** | khi âm cuối của từ gốc là các phụ âm **/t/, /p/, /k/, /f/, /θ/** |
| **Đọc là /z/** | khi âm cuối của từ gốc là nguyên âm hoặc các phụ âm còn lại |

** Present Continuous (Thì hiện tại tiếp diễn):**

a. Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả một hành động đang diễn ra tại thời điểm nói.

–Dấu hiệu nhận biết:

* Các cụm từ chỉ thời gian: *now, right now, at (the) present, at the moment, at this time…*
* Các động từ: *Look!*, *Listen*, *Be careful!*, *Hurry up!*, *Watch out!, Look out!*

|  |  |
| --- | --- |
| I am playing soccer now.  You/We/They aren’t playing soccer at the moment.  He/She/It is playing soccer right now. | What are they doing at present?  Is she playing soccer now?  (Yes, she is. / No, she isn't.) |

*e.g.*

b. Thì hiện tại tiếp diễn cũng có thể dùng để chỉ các kế hoạch đã lên lịch sẵn trong tương lai, thường có từ chỉ thời gian cụ thể.

– Dấu hiệu nhận biết: các cụm từ chỉ thời gian trong tương lai *(this weekend, on Saturday, tomorrow, tonight ...)*

|  |  |
| --- | --- |
| I am going bowling tonight.  You/We/They aren’t going bowling this evening.  He/She/It is going bowling tomorrow. | What are they doing this weekend?  Is she going bowling on Saturday?  (Yes, she is. / No, she isn't.) |

*e.g.*

**\*Lưu ý: một số động từ không dùng ở dạng tiếp diễn:** know, want, need, like, love, hate,have (với nghĩa “có”), think (với nghĩa “nghĩ rằng”), see (với nghĩa “nhìn thấy”), understand,…

*e.g.* I’m making a cake now, and I need some eggs.

** Prepositions of place (Giới từ chỉ nơi chốn):**

Giới từ chỉ nơi chốn để nói ai đó hoặc vật nào đó đang ở đâu.

|  |  |
| --- | --- |
| **in front of**: phía trước | Let’s meet in front ofthe movie theater. |
| **behind**: phía sau | Shall we meet behindthe market? |
| **next to**: bên cạnh | The water park is next to the supermarket. |
| **opposite**: đối diện | The bowling alley is oppositethe ice rink. |
| **near**:gần đó | The swimming pool is near the market. |
| **between… and…**:ở giữa…và… | The restaurant is between the library and the theater. |

\*Ghi chú:

– **opposite** được dùng khi hai sự vật được nói đến bị phân cách bởi một sự vật khác ở giữa.

– **in + vùng/thành phố/quốc gia …** (*in Hanoi, in Vietnam, in the ocean, in Asia, in the mountains, in the taxi...*)

– **on + tên đường/hướng/phương tiện giao thông công cộng** (*on Le Loi Street, on the bus, on the left/right,...*)

– **at + địa điểm cụ thể** (*at the airport, at 50 Tran Hung Dao Street, at work/school/university, at the party…)*

**Unit 2 | HEALTH**

**I/ Vocabulary:**

**Lesson 1:**

**drink** (v) /drɪŋk/: uống

 **drink** (n) /drɪŋk/: thức uống

**eat** (v) /iːt/: ăn

**fast food** (n) /ˌfæst ˈfuːd/ thức ăn nhanh hoặc ăn liền

**fruit** (n) /fruːt/: trái cây

**get** (v) /get/: nhận được

**healthy** (adj) /ˈhelθɪ/: khoẻ mạnh, có lợi cho sức khoẻ

≠ **unhealthy** (adj) /ʌnˈhelθɪ/: ốm yếu, có hại cho sức khoẻ

 **health** (n)/ helθ/: sức khỏe

**junk food** (n) /ˈdʒʌŋk fuːd/: thức ăn nhanh có hại cho sức khỏe

**lifestyle** (n) /ˈlaɪfstaɪl/: cách sống, cách sinh hoạt

**sleep** (n) /sliːp/: giấc ngủ

 **sleep** (v) /sliːp/: ngủ

**soda** (n) /ˈsoʊdə/: nước xô-đa

**vegetable** (n) /ˈvedʒtəbl/: rau, củ

**Lesson 2:**

**feel** (v) /fiːl/: có cảm giác, cảm thấy

**fever** (n) /ˈfiːvər/: cơn sốt

**get rest** (v) /ɡet rest/: nghỉ ngơi

**keep** (v) /kiːp/: giữ, lưu, duy trì

**late** (adv) /leɪt/: chậm, muộn, trễ

 **stay up late** (v phr) /steɪ ʌp leɪt/: thức khuya

**lazy** (adj) /ˈleɪzɪ/: lười biếng

 **laziness** (n) /leɪzɪnɪs/: sự lười biếng

**medicine** (n) /ˈmedɪsn/: thuốc

**sore throat** (n) /ˌsɔːr ˈθroʊt/: đau họng

 **have a sore throat** (v phr) /hæv ə sɔːr θroʊt/: bị đau họng

**vitamin** (n) /ˈvaɪtəmɪn/: vitamin

 **take vitamins** (v phr) /teɪk ˈvaɪtəmɪnz/: uống vitamin

**warm** (adj) /wɔːrm/: ấm

 **keep warm** (v phr) /kiːp wɔːrm/: giữ ấm

 **warmth** (n) /wɔ:mθ/: sự ấm áp, hơi ấm

**weak** (adj) /wiːk/: yếu

 **feel weak** (v phr) /fiːl wiːk/: cảm thấy không khoẻ

 **weakness** (n) /wi:knɪs/: sự yếu ớt, khuyết điểm

**Lesson 3:**

**cafeteria** (n) /kæfəˈtɪriə/: căn-tin, quán ăn tự phục vụ

**smoothie** (n) /ˈsmuːði/: sinh tố

**brain food** (n) /brein fuːd/: thức ăn tốt cho trí óc

**effectively** (adv) /əˈfektɪvli/: một cách hiệu quả

 **effective** (adj) /əˈfektɪv/: có hiệu quả

 **effect** (n) /əˈfekt/: hiệu quả

**principal** (n) /ˈprɪnsəpəl/: hiệu trưởng trường học (cấp 2 & 3)

**II/ Grammar:**

**** **Indefinite quantifiers (Từ chỉ số lượng không xác định):**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Từ chỉ số lượng** | **C** | **U** | **+** | **-** | **?** |
| **some** (một vài, một chút) |  |  |  |  |  |
| **any** (… nào) |  |  |  |  |  |
| **a little** (một ít) |  |  |  |  |  |
| **a few** (một vài) |  |  |  |  |  |
| **much** (không nhiều) |  |  |  |  |  |
| **many** (nhiều) |  |  |  |  |  |
| **lots of / a lot of** (nhiều) |  |  |  |  |  |

Từ chỉ số lượng không xác định được dùng để nói chúng ta làm gì được bao nhiêu.

\*Ghi chú:

**C** = danh từ đếm được **U** = danh từ không đếm được

**+** = câu khẳng định **-** = câu phủ định **?** = câu hỏi/nghi vấn

– **not… any**: hoàn toàn không có (dùng cho cả danh từ đếm được và không đếm được)

*e.g.* I can’t play any sports. (Tôi không chơi được môn thể thao nào.)

– **not… many**: không có nhiều (dùng cho danh từ đếm được)

*e.g.* I can’t play many sports. (Tôi không chơi được nhiều môn thể thao.)

– **not… much**: không có nhiều (dùng cho danh từ không đếm được)

*e.g.* I don’t have much homework on Thursdays. (Tôi không có nhiều bài tập về nhà vào thứ Năm hàng tuần.)

** Modal “should/shouldn’t” (Động từ tình thái “should/shouldn’t”):**

Động từ tình thái **should/shouldn’t** (nên/không nên)đượcdùng để cho lời khuyên hoặc xin lời khuyên từ người khác.

|  |
| --- |
| I/You/We/They/He/She/It should eat fresh fruit. |
| I/You/We/They/He/She/It shouldn’t eat fast food. |
| I have a headache. What should I do?  Should I take some medicine?  (Yes, you should. / No, you shouldn't. |

*e.g.*

**Unit 3 | MUSIC AND ARTS**

**I/ Vocabulary:**

**Lesson 1:**

**classical music** (n) /ˌklæsɪkl ˈmjuːzɪk/: nhạc cổ điển

**country (music)** (n) /ˈkʌntri ˈmjuːzɪk/: nhạc đồng quê

**hip hop** (n) /ˈhɪp hɒp/: nhạc hip hop

**jazz** (n) **/**dʒæz/: nhạc jazz

**pop** (n) /pɒp/: nhạc pop

**rock** (n) /rɒk/: nhạc rock

**Lesson 2:**

**blues** (n) /bluːz/: nhạc blues

**electronic music** (n) /ɪˌlekˈtrɒnɪk ˈmjuːzɪk/: nhạc điện tử

**folk (music)** (n) /foʊk ˈmjuːzɪk/: dân ca

**heavy metal** (n) /ˌhevi ˈmetl/: nhạc heavy metal (một loại nhạc rock có nhịp điệu mạnh và dữ dội)

**reggae** (n) /ˈreɡeɪ/ nhạc reggae (một dòng nhạc có xuất xứ từ Jamaica)

**RnB** (n) /ˌɑːr ən ˈbiː/ nhạc RnB

**traditional** (adj) /trəˈdɪʃənl/: thuộc về truyền thống

 **tradition** (n) /trəˈdɪʃən/: truyền thống

**positions of time (Giới từ chỉ thời gian):**

Khi nói về thời gian, chúng ta sử dụng giới từ in, on hoặc at.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giới từ** | **Cách dùng** | **Ví dụ** |
| ***on*** | diễn tả thứ trong tuần, ngày trong tháng,  hoặc kết hợp ngày và tháng | on Monday, on the 20th (of May), on December 25, on Christmas Eve, on Easter Day ... |
| ***at*** | diễn tả thời khắc như mấy giờ, lúc nào | at 7 o’clock, at lunchtime, at noon, at night ... |
| ***in*** | diễn tả khoảng thời gian dài như các buổi  trong ngày, tháng, mùa, năm, thập kỷ, thế kỷ | in the morning, in January, in the summer,  in 2025, in the 1990s, in the 21st century ... |

\*Lưu ý:

- **at**: at the weekend/at weekends, at Christmas, at Easter ...

- **on**: on the weekend/on weekends, on Sunday morning, on a cold evening ...

** Possessive Adjectives (Tính từ sở hữu):**

Tính từ sở hữu dùng để diễn tả sự sở hữu và luôn đứng trước danh từ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Subject pronouns** | **Possessive adjectives** | **Ví dụ** |
| **I** (tôi) | **my** (của tôi) | my song |
| **You** (bạn/các bạn) | **your** (của bạn/của các bạn) | your favorite music |
| **We** (chúng tôi/chúng ta) | **our** (của chúng tôi/của chúng ta) | our school |
| **They** (họ) | **their** (của họ) | their show |
| **He** (anh ấy) | **his** (của anh ấy) | his band |
| **She** (cô ấy) | **her** (của cô ấy) | her performance |
| **It** (nó) | **its** (của nó) | its sound |

**PRACTICE**

**Unit 1 | FREE TIME**

**I/ PRONUNCIATION**

**A. Choose the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.**

1. A. take B. lake C. game D. can

2. A. rides B. sports C. books D. students

**B. Choose the word that differs from the other three in the position of the main stress in each of the following questions.**

3. A. collect B. tonight C. behind D. comic

4. A. model B. soccer C. online D. doctor

**II/ VOCABULARY AND GRAMMAR**

**Choose the best option (A, B, C or D) to complete each of the following questions.**

5. My little brother likes \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ model airplanes.

A. taking B. getting C. building D. playing

6. I'm watching a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ at the theater.

A. play B. bowling alley C. fair D. surfboard

7. Lisa \_\_\_\_\_\_\_\_\_ to English class on Mondays.

A. go B. going C. goes D. to goes

8. Our class \_\_\_\_\_\_\_\_\_ a test this week.

A. are having B. is having C. have D. Where

9. The swimming pool is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the library. We have to cross the street to get there.

A. next to B. in front of C. behind D. opposite

10. Our family loves going to the \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ every summer. There are many amazing water slides and a lazy river.

A. fun fair B. sports center C. water park D. park

11. We should check teachers's \_\_\_\_\_\_\_\_ before we schedule a meeting.

A. availability B. time C. calendar D. lesson

12. We \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ at Hòa Bình theater tomorrow. My dad bought the tickets yesterday.

A. going to watch a play B. watch a play

C. will watch a play D. are watching a play

**III/ ERROR CORRECTION**

**Find the underlined part that needs correction in each of the following questions.**

13. She enjoy listening to all kinds of music. She could spend hours watching music videos on her phone.

A B C D

14. I playing extreme sports this Saturday. I will go with my friends and my family.

A B C D

15. We are meeting next the restaurant at 6pm.

A B C D

16. He spends two hours a day play games online.

A B C D

**IV/ WORD FORM**

**Write the correct form of the given words.**

17. The first time I went rock climbing, I was really \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(SCARY).

18. We want to go zorbing because it's really \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(EXCITE).

19. Kate is having a birthday party next Sunday. She sent me an \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(INVITE) yesterday.

20. Do you think that skydiving is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(DANGER)?

**V/ READING**

**Read the following passage and complete the summary with suitable information. For each blank, write NO MORE THAN THREE WORDS AND/ OR A NUMBER.**

My name is Dylan and my favorite hobby is making vlogs. I started this hobby when I was in grade 6th. On my 12th birthday, my dad gave me a camera. I love it so much and I always use it to take photos and make vlogs about people and places. I really enjoy meeting new people. I think it’s great to make new friends and see their way of life. My dad is a journalist, so he often takes me to different places. He also created a Facebook account for me, so I can post my vlogs there. The account has more than 1,000 followers. I don’t have a lot of free time during the week because I have so much homework to do. Therefore, I only edit vlogs on the weekends. And it often takes me one day to finish one vlog. I also like video games but I’m not really a big fan. Sometimes I make vlogs about new video games, too.

**DYLAN’S FAVORITE HOBBY**

Dylan began making vlogs at the age of (21) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. He uses a (22) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ to make them. This hobby helps him make (23) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and know more about their lifestyles. He posts his videos on (24) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and attracts many followers. He does the editing on (25) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and it takes him one day to make a vlog.

**VI/ WRITING**

**A. Put the words in the correct order to make correct sentences.**

26. go/ How/ sports center/ does Becky/ often/ to the/?

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

27. office/ playground/ to/ post/ the/ There’s/ a/ next/.

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

28. Do you/ models/ your/ build/ sister/ with/?

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**B. Rewrite the following sentences without changing their meaning. Use the given word(s) if any.**

29. Today is Saturday, so I don't go to school.

 Because ……………………………\_\_\_

30. It often takes Ben two hours to make a vlog.

 Ben often spends ………………………..

**Unit 2 | HEALTH**

**I/ PRONUNCIATION**

**A. Choose the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.**

1. A. little B. morning C. lifestyle D. drink

2. A. check B. rest C. bench D. fever

**B. Choose the word that differs from the other three in the position of the main stress in each of the following questions.**

3. A. vitamin B. medicine C. favorite D. overweight

4. A. unhealthy B. vegetable C. effectively D. provide

**II/ VOCABULARY AND GRAMMAR**

**Choose the best option (A, B, C or D) to complete each of the following questions.**

5. My mom eats vegetables and does exercises every day. She has a \_\_\_\_\_\_\_\_lifestyle.

A. unhealthy B. active C. fast D. healthy

6. A\_\_\_\_\_\_\_\_ makes the body more efficient and enhances the body's ability to respond to stress.

A. exercise B. workout C. fitness D. training

7. He goes to the sports center every week. He does \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ exercise.

A. a little B. a lot of C. many D. any

8. Student A: “I’m not feeling well. I think I have a fever.”

Student B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. You shouldn’t eat junk food. B. You shouldn’t take vitamins.

C. You should go home and get some rest. D. You should get enough sleep every day.

9. You shouldn't \_\_\_\_\_\_\_\_\_ up too late. It's very harmful.

A. stays B. staying C. stayed D. stay

10. My dad hurt his \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ when he was moving the sofa yesterday. It hurt so much that he couldn’t stand up.

A. head B. back C. stomach D. ear

11. I just watch \_\_\_\_TV everyday because looking at the screen for too long is bad for my eyes.

A. much B. lots of C. a litlle D. any

12. People should have eight hours of \_\_\_\_\_\_\_\_ every day.

A. food B. sleep C. meal D. drink

**III/ ERROR CORRECTION**

**Find the underlined part that needs correction in each of the following questions.**

13. I want to buy any vegetables and fruit for tonight's dinner.

A B C D

14. Could you bring me some glass of lemonade?

A B C D

15. She has a sore throat. She should to drink warm water and get some rest.

A B C D

16. Don't worry about the lunch. I've bought any sandwiches.

A B C D

**IV/ WORD FORM**

**Write the correct form of the given words.**

17. Eating more fruit will help us study \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(GOOD) and feel healthier.

18. Mike couldn’t sleep last night. Today he was really tired, so he fell \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(SLEEP) in math class.

19. Tom wants to get good grades so he makes an \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(EFFECTIVELY) study plan.

20. Louisa never does any exercise. She’s \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(FIT) and feels tired all the time.

**V/ READING**

**Read the online post and choose the word/ phrase (A, B, C or D) that best suits each blank.**

**WHAT SHOULD I DO?**

My name is Libby and I’m 12 years old. I never manage to go to bed early during the week. I know I (21) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ use my phone or tablet late at night, but I always do. I find it (22) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to fall asleep, but I don’t know why. I often miss breakfast, so I’m hungry by the morning break. In my school, you don’t need to go far for unhealthy food. There is a vending machine with (23) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ sugary snacks and fizzy drinks like Coke or soda. My mum says I should eat some fruit or yogurt for a snack, but I keep forgetting to bring it to school with me. I also feel (24) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and have no energy during the day, which is really annoying. I really need to get fit and healthy for the school bicycle race. What do you think I should do to prepare for the race? Please give me (25) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ advice on how to become a better me.

21. A. should B. shouldn’t C. don’t D. must

22. A. difficult B. easy C. harder D. healthy

23. A. much B. a little C. few D. lots of

24. A. healthy B. strong C. weak D. a fever

25. A. an B. some C. many D. a few

**VI/ WRITING**

**A. Put the words in the correct order to make correct sentences.**

26. should/ three/ You/ teeth/ a/ brush/ day/ your/ times/.

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

27. ask you/ the cafeteria/ to provide/ I'm writing/ to/ us with/ healthier food/ in/.

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

28. fruit/ day/ My/ lots/ eat/ friends/ of/ every/.

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**B. Rewrite the following sentences without changing their meaning. Use the given word(s) if any.**

29. Jimmy doesn't do as much exercise as Janet.

 Janet \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

30. My father gives up smoking. It's harmful to his health. (BECAUSE)

 My father \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Unit 3 | MUSIC AND ARTS**

**I/ PRONUNCIATION**

**A. Choose the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.**

1. A. skips B. sets C. books D. plays

2. A. instrument B. concert C. afternoon D. electronic

**B. Choose the word that differs from the other three in the position of the main stress in each of the following questions.**

3. A. listen B. guitar C. reggae D. concert

4. A. setting B. traditional C. happy D. boring

**II/ VOCABULARY AND GRAMMAR**

**Choose the best option (A, B, C or D) to complete each of the following questions.**

5. \_\_\_\_\_\_\_ is slow and sad music. It started as African-American folk songs.

A. Blues B. Reggae C. RnB D. Folk

6. John loves everything about the film, especially the \_\_\_\_\_\_. He thinks they're very good-looking.

A. plot B. setting C. stars D. conclusion

7. What's \_\_\_\_\_\_\_ name? He's a new student of this class.

A. my B. his C. your D. her

8. He was born \_\_\_\_\_\_\_\_ 15th , January.

A. at B. for C. in D. on

9. The children prefer hip hop, but their parents \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ it at all.

A. doesn’t love B. like C. don’t like D. love

10. There were bands from all over the world playing traditional music from their countries at the \_\_\_\_\_\_\_\_\_ festival.

A. heavy metal B. electronic C. blues D. folk

11. Elvis Presley started his singing career \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ 1954. He sold millions of records all over the world.

A. on B. at C. in D. during

12. Trumpet and trombone are brass \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. furniture B. machine C. instruments D. paintings

**III/ ERROR CORRECTION**

**Find the underlined part that needs correction in each of the following questions.**

13. Sarah love action movies. She thinks that it's fun and exciting.

A B C D

14. The concert is in TV at 7 p.m.

A B C D

15. My brother's birthday is in this Sunday. We're having a party for him.

A B C D

16. The scenery is beautiful and all the characters are interested.

A B C D

**IV/ WORD FORM**

**Write the correct form of the given words.**

17. I don't like classical music. I always feel \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(BORING) when my mom plays some songs of this kind.

18. Anh Tuyet is one of the most famous \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(SING) in Vietnam.

19. She's \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(INTERESTING) in sports. She spends hours playing sports with her friends every day.

20. Are you going to watch Michael Jackson's \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (PERFORM)?

**V/ READING**

**Read the following passage. For each statement from 21 to 25, write Darren, Jackson or Ae Ri.**

**Darren from New York City**

I used to listen to country music. My father has a huge collection, and when I was young, I listened to his records all the time. Now I find most of them boring. I prefer music with a strong beat and I’m a rapper now. I’m a big fan of hip hop and I rap everywhere, at school, on the bus or even in the shower. My favorite time is when I go to hip hop battles with my friends and perform with DJs. It’s out of this world!

**Jackson from Australia**

I play bass guitar in a band and we practice every day in my friend’s garage. I enjoy listening to different music genres, from pop to RnB. I learnt the accoustic guitar at school. I can compose music but I don’t write the lyrics for the songs. Doing gigs with the band is my biggest thrill. Next month, we’re going to a studio to record some of our songs. We’re very excited about it.

**Ae Ri from Korea**

I love pop from the bottom of my heart. It really brings out so many great emotions in me. It’s also a way for me to relax. Going to pop concerts is incredibly entertaining. You can see people singing along, cheering loud or dancing. And at the end of the show, you can rush to the singer and ask for an autograph. At the moment, I’m taking singing lessons, and I hope I can perform on stage one day.

33. This person practices in many places.

34. This person enjoys the atmosphere at concerts.

35. This person has changed his opinion about a type of music.

36. This person had music lessons at school.

37. This person likes performing with his band.

**VI/ WRITING**

**A. Put the words in the correct order to make correct sentences.**

26. all/ They/ music/ the / the / enjoy/ at/ performances/ festival/.

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

27. do/ your birthday/ going to/ anything/ Are you/ special/ on/?

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

28. album/ to/ February/ He’s/ release/ new/ his/ going/ in/.

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**B. Rewrite the following sentences without changing their meaning. Use the given word(s) if any.**

29. I like blues more than reggae.

 I prefer \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

27. do/ your birthday/ going to/ anything/ Are you/ special/ on/?

30. My friend really wants to see Justin at the concert. He's her favorite singer of all times. (BECAUSE)

 My friend \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_